

Bản án số: 11/2018/HNGĐ - ST
Ngày 21-9-2018
V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH LỤC, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Hưởng.
2. Ông Nguyễn Hữu Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Giang Yên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2018/TLST – HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2018 về “*Tranh chấp về ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Hồng Đ, sinh năm 1983; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Số N, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn L, sinh năm 1976; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm N, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam; hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Đ; vắng mặt có lí do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Bùi Thị Hồng Đ trình bày: Chị kết hôn với anh Trần Văn L ngày 20-7-2012 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy

ban nhân dân (UBND) xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau ngày kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng tháng 5-2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L mãi chơi lô đề, cờ bạc, không tu chí làm ăn; anh L thường xuyên lấy tiền và tài sản của gia đình để ăn chơi cá nhân, không quan tâm đến vợ con, không thu vén cho gia đình dẫn đến kinh tế gia đình ngày càng khó khăn, chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh L không những không sửa đổi tính nết mà ngày càng lún sâu vào tệ nạn, ăn chơi. Đến ngày 09-3-2016 anh L bị Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử và kết án 06 năm tù về tội “*Lưu hành tiền giả*”. Nay chị Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn L.

Tại bản tự khai ngày 20-7-2018 có xác nhận của Trại giam Đ, bị đơn là anh Trần Văn L trình bày: Về thời gian, điều kiện anh kết hôn với chị Bùi Thị Hồng Đ đúng như chị Đ đã trình bày. Anh L xác định sau khi kết hôn anh và chị Đ chung sống với nhau không xảy ra mâu thuẫn gì lớn. Tuy nhiên anh xác định đến nay tình cảm vợ chồng giữa anh với chị Đ không còn, chị Đ xin ly hôn anh thì anh hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Chị Đ và anh L thống nhất xác định vợ chồng anh chị có một con chung tên là Trần Minh P, sinh ngày 11-7-2013, hiện nay đang do chị Đ nuôi dưỡng. Anh chị đều thống nhất quan điểm khi ly hôn sẽ giao cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng cháu P, do anh L hiện nay đang phải chấp hành án phạt tù tại trại giam nên anh L không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị Đ.

Về tài sản riêng, tài sản chung, công sức đóng góp, công nợ, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị Đ, anh L thống nhất không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; tại phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử được đảm bảo, các bước tiến hành của Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng quy định; Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng là chị Đ và anh L đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147,

khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử lý hôn giữa chị Bùi Thị Hồng Đ và anh Trần Văn L. Về con chung: Giao cháu Trần Minh P, sinh ngày 11-7-2013 cho chị Đ nuôi dưỡng. Anh L không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Đ. Về án phí ly hôn sơ thẩm chị Đ phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Bị đơn là anh Trần Văn L đang phải chấp hành án phạt tù tại trại giam, anh đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, có xác nhận của Trại giam Đ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị Hồng Đ và anh Trần Văn L là hợp pháp, anh chị đăng ký kết hôn với nhau ngày 20-7-2012 tại UBND xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau ngày kết hôn anh chị chung sống hòa thuận chỉ được khoảng gần hai năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L không chịu tu dưỡng, rèn luyện bản thân, thường xuyên lấy tiền của gia đình để ăn chơi và đánh bạc; chị Đ đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh L không tiếp thu sửa chữa nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay cả chị Đ và anh L đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và cùng nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân giữa chị Đ và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, xử cho chị Đ được ly hôn anh L là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*: Chị Đ và anh L có một con chung tên là Trần Minh P, sinh ngày 11-7-2013, hiện nay đang do chị Đ nuôi dưỡng. Anh chị thỏa thuận khi ly hôn sẽ giao cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng cháu P, anh L không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị Đ. Xét sự thỏa thuận này

của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về tài sản riêng, tài sản chung, công sức đóng góp, công nợ, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, trợ cấp khó khăn sau ly hôn*: Chị Đ, anh L không đề nghị Tòa án giải quyết đối với những vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí ly hôn sơ thẩm*: Chị Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Bùi Thị Hồng Đ và anh Trần Văn L.

2. Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị Hồng Đ được quyền nuôi dưỡng cháu Trần Minh Phúc, sinh ngày 11-7-2013. Anh Trần Văn L không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Đ.

Chị Đ cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu P.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị Hồng Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2015/0001114 ngày 11 tháng 5 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam. (Chị Đ đã thi hành xong phần án phí ly hôn sơ thẩm).

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Bình Lục;
- Chi cục THADS H. Bình Lục;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Thọ

